

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HN&GD-ST

Ngày: 01 – 02 - 2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lắm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Hằng.

Bà Trịnh Thị Trúc Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST - HN&GD ngày 05/12/2017 vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ cư trú: ấp 2A, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Nguyễn Thị Tuyết P, sinh ngày 22/12/2009.

Địa chỉ cư trú: ấp 2A, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Vào năm 2011 chị và anh Nguyễn Văn L tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không lo lắng cho gia đình, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chị và anh L đã ly thân từ tháng 05/2015 cho đến nay.

Do cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Tuyết P, sinh ngày 22/12/2009, con chung hiện nay chị T nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T.

Tại văn bản ngày 18/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Tuyết P trình bày: Khi chị T và anh L ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Tuyết P có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt cháu P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn L tổ chức lễ cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên chị T và anh L chung sống hạnh phúc từ năm 2011 đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh L không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ tháng 05/2015 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh L hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng với nhau nhưng anh L vắng mặt không lý do và tại phiên tòa chị T yêu cầu được ly hôn với anh L. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh L không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có một con chung tên Nguyễn Thị Tuyết P, sinh ngày 22/12/2009 hiện nay con chung do chị T nuôi dưỡng, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Tại văn bản ngày 18/10/2017 cháu Nguyễn Thị Tuyết P có nguyện vọng được sống với chị T khi chị T và anh L ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu P về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu P và theo nguyện vọng của cháu P nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do chị T chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nên anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, 53, 56, 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết P (nữ), sinh ngày 22/12/2009

cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*), được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012230 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 01/02/2018.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị Tuyết P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Lộc B;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Trần Văn Lãm